BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2026

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**15**
1	**Tiến sĩ**			**0**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**0**
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**
2	**Thạc sĩ**			**15**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**15**
2.1.1	**Kỹ thuật**	**852**		**15**
2.1.1.1	**Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**	**85201**	**Kỹ thuật**	**15**
2.1.1.1.1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	15
B	**ĐẠI HỌC**			**2920**
3	**Đại học chính quy**			**2310**
3.1	**Chính quy**			**1925**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**0**
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**1925**
3.1.2.1	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**714**		**40**
3.1.2.1.1	**Đào tạo giáo viên**	**71402**	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**40**
3.1.2.1.1.1	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Đào tạo giáo viên	20
3.1.2.1.1.2	Sư phạm công nghệ	7140246	Đào tạo giáo viên	20
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**320**
3.1.2.2.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**320**
3.1.2.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	20
3.1.2.2.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	300
3.1.2.3	**Khoa học xã hội và hành vi**	**731**		**30**
3.1.2.3.1	**Kinh tế học**	**73101**	**Khoa học xã hội và hành vi**	**30**
3.1.2.3.1.1	Kinh tế số	7310109	Kinh tế học	30
3.1.2.4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**160**
3.1.2.4.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**80**
3.1.2.4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	50
3.1.2.4.1.2	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh	30
3.1.2.4.2	**Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm**	**73402**	**Kinh doanh và quản lý**	**30**
3.1.2.4.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	30
3.1.2.4.3	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**50**
3.1.2.4.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	50
3.1.2.5	**Pháp luật**	**738**		**30**
3.1.2.5.1	**Luật**	**73801**	**Pháp luật**	**30**
3.1.2.5.1.1	Luật	7380101	Luật	30

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
3.1.2.6	**Toán và thống kê**	**746**		**30**
3.1.2.6.1	**Toán học**	**74601**	**Toán và thống kê**	**30**
3.1.2.6.1.1	Toán ứng dụng	7460112	Toán học	30
3.1.2.7	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**115**
3.1.2.7.1	**Máy tính**	**74801**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**30**
3.1.2.7.1.1	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Máy tính	30
3.1.2.7.2	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**85**
3.1.2.7.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	85
3.1.2.8	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**690**
3.1.2.8.1	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	**75102**	**Công nghệ kỹ thuật**	**420**
3.1.2.8.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	115
3.1.2.8.1.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	305
3.1.2.8.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**240**
3.1.2.8.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	240
3.1.2.8.3	**Quản lý công nghiệp**	**75106**	**Công nghệ kỹ thuật**	**30**
3.1.2.8.3.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	30
3.1.2.9	**Kỹ thuật**	**752**		**465**
3.1.2.9.1	**Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**	**75201**	**Kỹ thuật**	**65**
3.1.2.9.1.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	65
3.1.2.9.2	**Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75202**	**Kỹ thuật**	**400**
3.1.2.9.2.1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	400
3.1.2.10	**Sản xuất và chế biến**	**754**		**20**
3.1.2.10.1	**Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da**	**75402**	**Sản xuất và chế biến**	**20**
3.1.2.10.1.1	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	20
3.1.2.11	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**781**		**25**
3.1.2.11.1	**Du lịch**	**78101**	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**25**
3.1.2.11.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	25
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**0**
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**15**
3.3.3	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**15**
3.3.3.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**15**
3.3.3.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	15
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**370**
3.4.1	**Nhân văn**	**722**		**370**
3.4.1.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**370**
3.4.1.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	170
3.4.1.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	200

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**420**
4.1	**Vừa làm vừa học**			**0**
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**30**
4.2.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**10**
4.2.3.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**10**
4.2.3.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	10
4.2.4	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**20**
4.2.4.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**20**
4.2.4.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	20
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**250**
4.3.2	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**20**
4.3.2.1	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**20**
4.3.2.1.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	20
4.3.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**40**
4.3.3.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**40**
4.3.3.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	40
4.3.4	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**150**
4.3.4.1	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	**75102**	**Công nghệ kỹ thuật**	**40**
4.3.4.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20
4.3.4.1.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20
4.3.4.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**110**
4.3.4.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	110
4.3.5	**Kỹ thuật**	**752**		**30**
4.3.5.1	**Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75202**	**Kỹ thuật**	**30**
4.3.5.1.1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	30
4.3.6	**Sản xuất và chế biến**	**754**		**10**
4.3.6.1	**Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da**	**75402**	**Sản xuất và chế biến**	**10**
4.3.6.1.1	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	10
4.4	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**140**
4.4.2	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**20**
4.4.2.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**10**
4.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	10
4.4.2.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**10**
4.4.2.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	10
4.4.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**120**
4.4.3.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**120**
4.4.3.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	120

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
5	**Từ xa**			**190**
5.1	**Nhân văn**	**722**		**100**
5.1.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**100**
5.1.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	80
5.1.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	20
5.2	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**40**
5.2.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**10**
5.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	10
5.2.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**30**
5.2.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	30
5.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**50**
5.3.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**50**
5.3.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	50

Hải Phòng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP	PTP. ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH	HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Bích Ngọc	Phan Hoàng Đức	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2025

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**15**	**0**	**0**
1	**Tiến sĩ**			**0**	**0**	**0**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**0**		
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**		
2	**Thạc sĩ**			**15**	**0**	**0**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**15**	**0**	**0**
2.1.1	**Kỹ thuật**	**852**		**15**	**0**	**0**
2.1.1.1	Kỹ thuật điện tử	8520203	Kỹ thuật	15	0	0
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**		
B	**ĐẠI HỌC**			**1980**	**1938**	**97,87**
3	**Đại học chính quy**			**1790**	**1811**	**101,17**
3.1	**Chính quy**			**1610**	**1637**	**101,67**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**0**		
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**1610**	**1637**	**101,67**
3.1.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**600**	**618**	**103**
3.1.2.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật	115	113	98,26
3.1.2.1.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật	265	278	104,9
3.1.2.1.3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật	220	227	103,18
3.1.2.2	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**714**		**40**	**38**	**95**
3.1.2.2.1	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	20	100
3.1.2.2.2	Sư phạm công nghệ	7140246	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	18	90
3.1.2.3	**Pháp luật**	**738**		**30**	**30**	**100**
3.1.2.3.1	Luật	7380101	Pháp luật	30	30	100
3.1.2.4	**Nhân văn**	**722**		**295**	**295**	**100**
3.1.2.4.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	20	20	100
3.1.2.4.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	275	275	100
3.1.2.5	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**95**	**98**	**103,15**
3.1.2.5.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	50	53	106
3.1.2.5.2	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	45	45	100
3.1.2.6	**Kỹ thuật**	**752**		**425**	**430**	**101,17**
3.1.2.6.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật	60	64	106,66
3.1.2.6.2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật	365	366	100,27
3.1.2.7	**Sản xuất và chế biến**	**754**		**20**	**18**	**90**
3.1.2.7.1	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất và chế biến	20	18	90
3.1.2.8	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**781**		**25**	**27**	**108**
3.1.2.8.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	25	27	108
3.1.2.9	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**80**	**83**	**103,75**
3.1.2.9.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	80	83	103,75
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**0**		
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**15**	**18**	**120**
3.3.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**15**	**18**	**120**
3.3.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật	15	18	120

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**165**	**156**	**94,54**
3.4.1	**Nhân văn**	**722**		**165**	**156**	**94,54**
3.4.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	165	156	94,54
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**170**	**112**	**65,88**
4.1	**Vừa làm vừa học**			**0**		
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**10**	**11**	**110**
4.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**10**	**11**	**110**
4.2.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật	10	11	110
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**160**	**101**	**63,12**
4.3.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**120**	**101**	**84,16**
4.3.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật	90	101	112,22
4.3.2	**Nhân văn**	**722**		**20**	**0**	**0**
4.3.2.1	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	20	0	0
4.3.3	**Sản xuất và chế biến**	**754**		**20**	**0**	**0**
4.3.3.1	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất và chế biến	20	0	0
5	**Từ xa**			**20**	**15**	**75**
5.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**20**	**15**	**75**
5.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	10	7	70
5.1.2	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	10	8	80

Hải Phòng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP	PTP. ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH	HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Bích Ngọc	Phan Hoàng Đức	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2026

1.Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	673/QĐ-ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
2	Trí tuệ nhân tạo	7480107	674/QĐ/ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
3	Công nghệ thông tin	7480201	2337/QĐ-BGDĐT	09/06/2010	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2010	2024			172/QĐ-ĐHSĐ	15/04/2026	2026
4	Kinh tế số	7310109	678/QĐ-ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
5	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	121/QĐ-ĐHSĐ	23/03/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2024					
6	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	536/QĐ-BGDĐT	21/02/2016	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016	2024					
7	Luật	7380101	116/QĐ-ĐHSĐ	12/03/2025			Trường tự chủ QĐ	2025	2025					
8	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	533/QĐ-BGDĐT	09/02/2012	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2024			172/QĐ-ĐHSĐ	15/04/2026	2026
9	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	679/QĐ-ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
10	Sư phạm công nghệ	7140246	4341QĐ/BGDĐT	18/12/2023			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2024					
11	Quản trị kinh doanh	7340101	2337/QĐ-BGDĐT	09/06/2010	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2010	2024			124/QĐ-ĐHSĐ	14/03/2025	2025
12	Thương mại điện tử	7340122	677/QĐ-ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
13	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	2337/QĐ-BGDĐT	09/06/2010	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2010	2024					
14	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	4342/QĐ-BGDĐT	18/12/2023			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2024					
15	Công nghệ dệt, may	7540204	578/QĐ-BGDĐT	10/02/2011	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2024					
16	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	2337/QĐ-BGDĐT	09/06/2010	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2010	2024					
17	Ngôn ngữ Anh	7220201	533/QĐ-BGDĐT	09/02/2012	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2022			172/QĐ-ĐHSĐ	15/04/2026	2026
18	Kế toán	7340301	578/QĐ-BGDĐT	10/02/2011	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2024			124/QĐ-ĐHSĐ	14/03/2025	2025
19	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	119/QĐ-ĐHSĐ	23/03/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2024					
20	Tài chính - Ngân hàng	7340201	676/QĐ-ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
21	Toán ứng dụng	7460112	675/QĐ-ĐHSĐ	19/12/2025			Trường tự chủ QĐ	2026	2026					
22	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	2337/QĐ-BGDĐT	09/06/2010	806/QĐ-BGDĐT	11/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2010	2024					

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Nguyễn Đình Cương	02/11/1980	030080015415		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô			0
2	Phí Đăng Tuệ	01/01/1958	141520827		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	01/12/2028		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục			
3	Bùi Thị Loan	27/01/1982	031182006132		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may			0
4	Đỗ Tiến Quyết	28/12/1987	030087014570		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực			0
5	Nguyễn Thị Diệp Huyền	29/06/1979	030179011440		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học			0
6	Nguyễn Thị Hương Huyền	20/10/1982	034182002363		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Văn hoá học			0
7	Trần Quốc Tuấn	11/12/1984	035084014101		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	01/12/2028		Tiến sĩ	Toán học			
8	Nguyễn Ngọc Đảm	20/07/1985	022085008104		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
9	Nguyễn Viết Tuân	23/08/1983	024083005684		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Toán giải tích	7340101	Quản trị kinh doanh	20
10	Dương Nam Dương	23/08/1992	022092012069		Nam	01/01/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2025			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			
11	Nguyễn Văn Đoàn	22/08/1982	030082013520		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
12	Nguyễn Trọng Quý	07/01/1981	030081006622		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
13	Cao Huy Giáp	09/05/1984	033084002378		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
14	Nguyễn Thị Hải Hà	07/11/1977	030177001003		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam			0
15	Phương Thị Tú	24/11/1978	030178000316		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
16	Đỗ Văn Đinh	25/12/1975	030075013984		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
17	Nguyễn Thị Tâm	08/05/1984	019184000653		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
18	Nguyễn Mạnh Tưởng	12/11/1977	030077022061		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
19	Lưu Phương Lan	26/06/1982	030182005383		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông			0
20	Võ Thành Huấn	02/09/1996	054096008141		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028		Tiến sĩ	Toán học			
21	Đặng Thị Dung	09/08/1987	034187010811		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			0
22	Vũ Văn Tàn	04/09/1980	030080005204		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thuỷ			0
23	Nguyễn Thị Luyến	22/10/1984	030184024832		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Xã hội học			0
24	Nguyễn Kiều Hiên	15/07/1986	024186000627		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học			0
25	Hoàng Thị Minh Hồng	12/10/1982	030182003978		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật Điện			0
26	Đào Thị Kim Tuyến	12/07/1984	010184000253		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
27	Phan Hoàng Đức	12/08/1983	042083000338		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	
28	Lê Thanh Tùng	23/07/1977	030077003539		Nam	19/11/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	19/11/2024	19/11/2026		Thạc sĩ	Luật			
29	Nguyễn Thị Hải Đường	28/10/1984	010184000072		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học			0
30	Hoàng Thị Hoa	05/12/1987	030187002380		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	30
31	Mai Thị Hương Mỹ	24/01/1998	030198000996		Nữ	01/08/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2024			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc			0
32	Đào Thị Vân	16/10/1982	030182018624		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Việt Nam học			0
33	Nguyễn Thị Hiền	10/03/1985	030185001929		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Triết học			0
34	Nguyễn Thị Thảo	17/02/1982	019182000469		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
35	Nguyễn Thị Hảo	12/11/2000	030300000315		Nữ	01/08/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2025			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc			
36	Nguyễn Thị Kim Nguyên	02/07/1974	019174016598		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	7340101	Quản trị kinh doanh	16
37	Nguyễn Hải Hà	02/09/1975	030075010995		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
38	Nguyễn Đức Thảo	08/08/1981	030082010557		Nam	12/11/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	12/11/2024			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử	7480201	Công nghệ thông tin	24
39	Nguyễn Thị Xuyên	16/11/1989	001189008176		Nữ	01/06/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/06/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc			0
40	Nguyễn Thị Lành	15/06/1989	027189015093		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
41	Nguyễn Thị Hiền	03/06/1981	022181001315		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may			0
42	Dương Thị Hà	20/04/1985	030185004201		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông			0
43	Vũ Hồng Phong	18/02/1975	034075007292		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
44	Nguyễn Thị Nhan	01/01/1987	024187001783		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7340301	Kế toán	20
45	Ngô Thị Luyện	06/08/1983	030183013087		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	30
46	Nguyễn Thị Ngân	20/08/1991	001191055743		Nữ	19/11/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	19/11/2024			Tiến sĩ	Toán học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	18
47	Tạ Thị Mai	10/09/1980	001180015140		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
48	Bùi Thị Trang	17/05/1987	030187020642		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc			0
49	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/09/1982	030182005444		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật vật liệu			0
50	Quách Thị Yến	15/09/1987	030187006570		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	20
51	Phạm Văn Kiên	21/11/1979	030079001643		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Giáo dục học	7480201	Công nghệ thông tin	18
52	Hoàng Thị Thu Hiền	24/01/1985	031185009881		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			0

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
53	Nguyễn Thị Quỳnh	18/07/1986	030186009853		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	24
54	Trần Văn Cường	20/09/1979	038079004537		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
55	Hoàng Anh Thu	12/06/1984	001084077086		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
56	Đỗ Thị Thùy	13/06/1985	027185000717		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Triết học			0
57	Nguyễn Ngọc Tú	15/02/1985	038085002888		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán			0
58	Trần Hải Đăng	12/08/1982	030082001938		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Khoa học vật liệu			0
59	Phạm Thượng Hàn	06/06/1945	001045004441		Nam	01/08/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2023	01/08/2028	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện			0
60	Đinh Thị Kim Thiết	20/12/1980	034180013516		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	24
61	Trần Thị Hiền	31/01/1966	036166000215		Nữ	01/01/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2025	01/12/2028		Tiến sĩ	Luật			0
62	Phạm Công Tảo	04/04/1975	030075007048		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện			0
63	Mạc Thị Nguyên	02/10/1984	030184003422		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
64	Lê Văn Sơn	05/07/1986	022086005409		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
65	Trần Hoàng Yến	01/02/1982	030182012548		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
66	Nguyễn Đăng Tiến	16/02/1980	030080000438		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Địa lý tài nguyên và môi trường	7220201	Ngôn ngữ Anh	20
67	Nguyễn Minh Tuấn	25/04/1977	030077001663		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340301	Kế toán	16
68	Lưu Quang Hưng	10/02/1987	030087008028		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thuỷ			0
69	Trần Thị Hồng Nhung	21/06/1979	008179000195		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Triết học			0
70	Hoàng Thị Hương	13/10/1978	022178002312		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	30
71	Hoàng Thị Bích Ngọc	22/12/1982	030182006612		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340301	Kế toán	
72	Nguyễn Vinh Diện	08/05/1977	040077016541		Nam	01/01/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2025			Tiến sĩ	Luật kinh tế			0
73	Nguyễn Tiến Phúc	04/10/1980	022080001160		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
74	Nguyễn Văn Tiến	04/01/1979	030079003520		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông			0
75	Lê Đức Thắng	28/07/1982	030082013166		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực			0
76	Hoàng Thị Thu Trang	01/09/1985	030185015737		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7480201	Công nghệ thông tin	8
77	Nguyễn Thị Phương	26/09/1980	011180007235		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
78	Phạm Thị Tâm	10/02/1987	030187021896		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7480201	Công nghệ thông tin	20
79	Phạm Thị Huyền Trang	13/03/1988	030188011647		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	20
80	Phạm Văn Huân	27/10/1968	030068000429		Nam	01/01/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2025			Thạc sĩ	Luật			0
81	Tạ Văn Hiền	06/01/1981	024081000410		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may			0
82	Lương Thị Thanh Xuân	01/12/1980	022180008759		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
83	Nguyễn Thị Sao	26/01/1983	030183009751		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Du lịch			0
84	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	13/03/1981	030181013454		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	7220201	Ngôn ngữ Anh	20
85	Lê Thị Mai	27/02/1979	019179000243		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
86	Nguyễn Trung Thành	09/09/1979	027079013888		Nam	01/11/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2025			Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	24
87	Trương Thị Luyến	10/09/1985	024185000601		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán			0
88	Nguyễn Hữu Chấn	01/01/1981	034081009831		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
89	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/05/1974	026174012081		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Khoa học máy tính			0
90	Phạm Thị Hồng Hoa	23/05/1977	038177001190		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	7340301	Kế toán	24
91	Vũ Văn Đông	18/11/1982	033082002650		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kinh tế học	7340301	Kế toán	20
92	Phạm Văn Tài	02/03/1973	030073016719		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
93	Nguyễn Thị Nhàn	08/10/1978	030178010508		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
94	Phùng Thị Lý	08/10/1982	030182001953		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	20
95	Nguyễn Thị Ngọc Mai	24/02/1988	030188006300		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	24
96	Vũ Thị Lý	15/10/1985	030185011526		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340301	Kế toán	30
97	Vũ Mạnh Cường	25/11/1968	036068004866		Nam	01/12/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2024			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7220201	Ngôn ngữ Anh	18
98	Vũ Trí Võ	15/04/1987	024087000368		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
99	Trịnh Thị Chuyên	05/06/1981	024181012807		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	24
100	Nguyễn Thị Quyên	09/06/1978	030178002548		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông			0
101	Lê Thị Huyền	26/05/1987	030187011520		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
102	Ngô Hữu Mạnh	30/01/1981	027081007553		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014		PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
103	Mạc Văn Giang	23/12/1980	030080015601		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
104	Phạm Thị Hường	08/03/1981	034181012929		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	20
105	Nguyễn Minh Loan	06/06/1975	030075010299		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
106	Vũ Quang Thập	07/05/1960	033060004360		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	18
107	Tạ Hồng Phong	13/08/1977	033077000976		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
108	Nguyễn Chí Dũng	19/10/1960	001060006586		Nam	01/01/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2025	01/01/2027		Tiến sĩ	Luật			0
109	Nguyễn Thị Hằng	20/06/1982	030182004878		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng			0
110	Trần Duy Khánh	29/06/1978	034078011960		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
111	Nguyễn Văn Hinh	24/12/1976	024076017272		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
112	Vũ Hoa Kỳ	27/11/1980	033080011073		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
113	Phạm Thị Hoan	26/10/1979	019179000384		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
114	Nguyễn Danh Đạo	22/09/1980	030080019919		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
115	Đinh Văn Nhượng	30/10/1963	034063010871		Nam	01/05/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/05/2024	01/05/2027		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
116	Vũ Bảo Tạo	17/03/1979	030079002276		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	18
117	Nguyễn Phương Lan	26/04/1962	001162010931		Nữ	01/01/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2025			Tiến sĩ	Luật học	7220201	Ngôn ngữ Anh	20
118	Nguyễn Phương Tỵ	24/11/1977	024077003367		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện			0
119	Lê Trí Vĩnh	07/08/1971	034071012076		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
120	Nguyễn Thị Lan	07/08/1980	030180014220		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc			0
121	Dương Thị Hoa	10/05/1983	030183002390		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật Điện			0
122	Trương Thị Hải Duyên	24/11/2000	030300005033		Nữ	01/11/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2024			Thạc sĩ	Đại số và lí thuyết số			0
123	Vũ Thị Hường	21/07/1984	030184009039		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	24
124	Nguyễn Ngọc Đàm	20/10/1985	030085012621		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật tàu thuỷ			0
125	Đặng Thị Hồng Minh	22/11/1980	030180019817		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Lịch sử thế giới	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	18
126	Hoàng Thị Phượng	25/07/1972	022172000768		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
127	Trịnh Văn Cường	20/09/1977	038077011423		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
128	Nguyễn Thị Huế	28/06/1985	030185004061		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	30
129	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/01/1989	030189013708		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			0
130	Nguyễn Thị Thủy	26/11/1986	030186002501		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	7340101	Quản trị kinh doanh	30
131	Phạm Thị Hồng Trang	16/08/1990	015190005580		Nữ	13/02/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	13/02/2022			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	18
132	Nguyễn Thái Mai	09/09/1968	038168028156		Nữ	01/12/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/12/2024	01/12/2027		Tiến sĩ	Luật	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	24
133	Đào Văn Kiên	01/08/1976	034076020422		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
134	Đặng Huy Long	23/12/1987	030087001172		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
135	Hoàng Thị Ngọc Diệp	18/05/1982	030182013808		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	20
136	Nguyễn Hoàng Lân	26/01/1960	030060000379		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028	PGS	Tiến sĩ	Tâm lý học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	18
137	Phạm Văn Trọng	13/10/1988	030088006473		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực			0
138	Phạm Thị Thu Hà	19/09/1984	037184003906		Nữ	19/11/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	19/11/2024			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	20
139	Nguyễn Thị Sim	01/01/1982	030182006650		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
140	Đặng Văn Tuệ	25/08/1977	030077010025		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
141	Vũ Thị Thanh Thủy	04/02/1984	030184011807		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	30
142	Nguyễn Thị Thảo	18/11/1984	030184024387		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Địa lý học	7340301	Kế toán	30
143	Nguyễn Thị Tuyến	14/11/1990	027190011358		Nữ	19/11/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	19/11/2024			Tiến sĩ	Toán học			0
144	Nguyễn Thanh Vân	03/05/1988	030188022546		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	30
145	Đặng Thị Thanh	25/06/1979	030179017761		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
146	Nguyễn Thị Hường	09/06/1981	030181020024		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Du lịch			0
147	Phạm Văn Dự	21/07/1984	037084004420		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Triết học	7480201	Công nghệ thông tin	20
148	Vũ Quang Ngọc	11/03/1989	030089001702		Nam	01/03/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2015			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
149	Ngô Thị Mỹ Bình	08/08/1984	030184007626		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	20
150	Vũ Bá Thể	12/02/1957	030057004053		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028	PGS	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng			
151	Nguyễn Thị Thu	09/07/1989	033189006359		Nữ	01/12/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
152	Nguyễn Thế Long	13/03/1988	019088007625		Nam	01/12/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2024			Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm	7480201	Công nghệ thông tin	18
153	Ngô Đại Phúc	13/07/1983	030083005192		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	20
154	Nguyễn Thanh Đạt	29/06/1994	044094012380		Nam	01/10/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/10/2025	30/09/2028		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử			
155	Nguyễn Văn Toán	06/02/1984	030084024697		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học			0
156	Mạc Thị Lê	12/12/1984	030184013878		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Vật lý chất rắn			0
157	Nguyễn Văn Anh	27/08/1987	008087007987		Nam	01/10/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/10/2025	30/09/2028		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
158	Nguyễn Hải Nam	07/10/1990	027090009197		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản lý giáo dục			0
159	Trần Thị Mai Hương	04/02/1985	022185002624		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
160	Hoàng Thị Ngát	13/06/1985	030185010323		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Khoa học máy tính			0
161	Vũ Tiến Hiếu	19/11/1986	030086002232		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
162	Nguyễn Quang Việt	30/06/1983	030083005928		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
163	Phạm Thị Điệp	14/11/1980	030180014311		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí	7340101	Quản trị kinh doanh	20
164	Phan Thành Long	19/02/1979	031079009673		Nam	01/02/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/02/2026	01/02/2028		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí	7480201	Công nghệ thông tin	20
165	Lê Ngọc Hòa	18/10/1980	022080010259		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn			0
166	Nguyễn Văn Đức	20/02/1987	030087007305		Nam	01/08/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2023			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	20
167	Nguyễn Thị Hồi	17/03/1982	034182010355		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật			0
168	Phạm Thị Kim Phúc	08/09/1980	027180005908		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may			0
169	Nguyễn Ngọc Chính	26/11/1946	001046000670		Nam	01/08/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2023	01/08/2026		Tiến sĩ	Công nghệ dệt, may			0
170	Hà Đình Soát	17/05/1981	034081003889		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
171	Nguyễn Thanh Hương	19/06/1987	022187004344		Nữ	02/05/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	02/05/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
172	Đinh Đức Quang	15/11/1980	030080018144		Nam	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2026	31/12/2028		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng			
173	Phùng Đức Hải Anh	09/07/1983	030083016624		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
174	Phạm Đức Khẩn	30/10/1969	030069016253		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
175	Phạm Thị Mai	20/02/1982	034182025661		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính			0
176	Hoàng Thị An	19/09/1987	030187005556		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7480201	Công nghệ thông tin	20
177	Nguyễn Xuân Giang	04/08/1984	015084009943		Nam	13/02/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	13/02/2022			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220201	Ngôn ngữ Anh	24
178	Vũ Hoàng Phương	04/10/1983	030183019659		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí			0
179	Vũ Hồng Sơn	20/09/1977	034077008616		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
180	Cao Văn Biên	10/03/1972	030072000443		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
181	Phạm Thị Thảo	15/06/1980	022180002414		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
182	Phan Thị Hương	28/01/1985	040185010103		Nữ	01/01/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2025	01/01/2028		Thạc sĩ	Luật			0
183	Đoàn Thị Thu Hằng	06/10/1986	030186013556		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340301	Kế toán	24
184	Nguyễn Thị Phương Oanh	02/03/1980	022180006301		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
185	Phạm Anh Dũng	04/06/1981	033081004401		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Giáo dục học			0
186	Nguyễn Thị Tuyết	28/10/1990	031190003200		Nữ	01/08/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2024			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc			0
187	Hoàng Thị Hòa	02/07/1982	030182009723		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Hoá hữu cơ			0
188	Tăng Thị Hồng Minh	15/10/1985	031185009958		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
189	Nguyễn Thị Liễu	29/11/1984	030184011687		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
190	Nguyễn Trọng Các	11/12/1979	027079011150		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
191	Lương Thị Hoa	28/04/1989	030189002914		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340301	Kế toán	30
192	Đỗ Thị Lan	20/09/1980	030180008243		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ vật liệu dệt, may			0
193	Nguyễn Lương Căn	24/03/1983	030083003856		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực			0
194	Nguyễn Thị Thu	22/12/1983	030183024370		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	20
195	Nguyễn Trương Huy	19/09/1973	030073008944		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
196	Đặng Thị Hồng Yến	23/06/1972	030172007091		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
197	Vũ Thị Ánh Tuyết	05/08/1991	030191009226		Nữ	01/03/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2015			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
198	Nguyễn Thị Huệ	27/02/1985	038185021087		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học			0
199	Vũ Thành Trung	18/05/1983	024083002380		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí			0
200	Nguyễn Trọng Quỳnh	10/11/1981	040081037338		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử			0
201	Vũ Thị Lương	02/01/1978	030178010123		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	20
202	Phạm Văn Tuấn	11/11/1969	030069001247		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
203	Nguyễn Quang Thoại	14/03/1983	036083025854		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Công nghệ dệt, may			0
204	Phạm Xuân Đức	10/02/1980	030080006874		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vậ	7340101	Quản trị kinh doanh	20
205	Nguyễn Thị Việt Hương	31/10/1986	030186010073		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
206	Nguyễn Văn Tuyên	13/03/1979	030079004973		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Vật lý chất rắn			0
207	Đỗ Huy Tùng	10/09/1982	030082013173		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
208	Nguyễn Thị Hồng	17/10/1986	038186046561		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Thạc sĩ	Toán học			0
209	Hà Minh Tuân	12/10/1982	030082023435		Nam	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2014			Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0

2.1.1 Danh sách ngành đúng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																							Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201		
1	Nguyễn Đình Cương	02/11/1980	030080015415	Kỹ thuật ô tô		Tiến sĩ																						100		1	100
2	Phí Đăng Tuệ	01/01/1958	141520827	Quản lý giáo dục		Tiến sĩ												20	40				40							3	100
3	Bùi Thị Loan	27/01/1982	031182006132	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thạc sĩ																		10				90		2	100
4	Đỗ Tiến Quyết	28/12/1987	030087014570	Kỹ thuật cơ khí động lực		Tiến sĩ																						100		1	100
5	Nguyễn Thị Diệp Huyền	29/06/1979	030179011440	Toán học		Thạc sĩ																						100		1	100
6	Nguyễn Thị Hương Huyền	20/10/1982	034182002363	Văn hoá học		Thạc sĩ				20		10			10												60			4	100
7	Trần Quốc Tuấn	11/12/1984	035084014101	Toán học		Tiến sĩ								10			10	30	50											4	100
8	Nguyễn Ngọc Đảm	20/07/1985	022085008104	Kỹ thuật điện tử		Thạc sĩ																	100							1	100
9	Nguyễn Viết Tuân	23/08/1983	024083005684	Toán giải tích		Tiến sĩ			10			10					50						20		10					5	100
10	Dương Nam Dương	23/08/1992	022092012069	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ											100													1	100
11	Nguyễn Văn Đoàn	22/08/1982	030082013520	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																						100		1	100
12	Nguyễn Trọng Quý	07/01/1981	030081006622	Giáo dục học		Thạc sĩ																					100			1	100
13	Cao Huy Giáp	09/05/1984	033084002378	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ																						100		1	100
14	Nguyễn Thị Hải Hà	07/11/1977	030177001003	Lịch sử Việt Nam		Thạc sĩ			10																		90			2	100
15	Phương Thị Tú	24/11/1978	030178000316	Giáo dục học		Thạc sĩ																					100			1	100
16	Đỗ Văn Đính	25/12/1975	030075013984	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ	10										70						20							3	100
17	Nguyễn Thị Tâm	08/05/1984	019184000653	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
18	Nguyễn Mạnh Tường	12/11/1977	030077022061	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ																						30	70	2	100
19	Lưu Phương Lan	26/06/1982	030182005383	Kỹ thuật viễn thông		Thạc sĩ		10									90													2	100
20	Võ Thành Huấn	02/09/1996	054096008141	Toán học		Tiến sĩ												30	30	40										3	100
21	Đặng Thị Dung	09/08/1987	034187010811	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Thạc sĩ		20									30												50	3	100
22	Vũ Văn Tân	04/09/1980	030080005204	Kỹ thuật tàu thuỷ		Tiến sĩ															10							90		2	100
23	Nguyễn Thị Luyến	22/10/1984	030184024832	Xã hội học		Tiến sĩ						10											70					20		3	100
24	Nguyễn Kiều Hiên	15/07/1986	024186000627	Toán học		Thạc sĩ											60											40		2	100
25	Hoàng Thị Minh Hồng	12/10/1982	030182003978	Sư phạm Kỹ thuật Điện		Thạc sĩ		30															70							2	100
26	Đào Thị Kim Tuyến	12/07/1984	010184000253	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ								50						50										2	100
27	Phan Hoàng Đức	12/08/1983	042083000338	Quản lý kinh tế		Thạc sĩ					40			20			40													3	100
28	Lê Thanh Tùng	23/07/1977	030077003539	Luật		Thạc sĩ				20					30						50									3	100
29	Nguyễn Thị Hải Đường	28/10/1984	010184000072	Toán học		Thạc sĩ												70	30											2	100
30	Hoàng Thị Hoa	05/12/1987	030187002380	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ																			50	50				2	100
31	Mai Thị Hương Mỹ	24/01/1998	030198000996	Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ																					100			1	100
32	Đào Thị Vân	16/10/1982	030182018624	Việt Nam học		Thạc sĩ																					100			1	100
33	Nguyễn Thị Hiền	10/03/1985	030185001929	Triết học		Thạc sĩ											80				20									2	100
34	Nguyễn Thị Thảo	17/02/1982	019182000469	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ		20									10						70							3	100
35	Nguyễn Thị Hảo	12/11/2000	030300000315	Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ																					100			1	100
36	Nguyễn Thị Kim Nguyên	02/07/1974	019174016598	Kinh tế chính trị		Tiến sĩ									10								30		25	20			15	5	100
37	Nguyễn Hải Hà	02/09/1975	030075010995	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ				30	20									50										3	100
38	Nguyễn Đức Thảo	08/08/1981	030082010557	Kỹ thuật điện tử		Tiến sĩ											50						30						20	3	100
39	Nguyễn Thị Xuyên	16/11/1989	001189008176	Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ				30																	70			2	100
40	Nguyễn Thị Lành	15/06/1989	027189015093	Kỹ thuật điện tử		Thạc sĩ											50				50									2	100
41	Nguyễn Thị Hiền	03/06/1981	022181001315	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thạc sĩ											40				30			30						3	100
42	Dương Thị Hà	20/04/1985	030185004201	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Thạc sĩ															70							30		2	100
43	Vũ Hồng Phong	18/02/1975	034075007292	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
44	Nguyễn Thị Nhan	01/01/1987	024187001783	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Tiến sĩ						10			10	10	15						10		10		25		10	8	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																							Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201		
45	Ngô Thị Luyện	06/08/1983	030183013087	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ					40						60													2	100
46	Nguyễn Thị Ngân	20/08/1991	001191055743	Toán học		Tiến sĩ											20										20	60		3	100
47	Tạ Thị Mai	10/09/1980	001180015140	Kỹ thuật điện tử		Thạc sĩ											50					50								2	100
48	Bùi Thị Trang	17/05/1987	030187020642	Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ				20																	80			2	100
49	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/09/1982	030182005444	Kỹ thuật vật liệu		Thạc sĩ			100																					1	100
50	Quách Thị Yến	15/09/1987	030187006570	Toán học		Thạc sĩ											100													1	100
51	Phạm Văn Kiên	21/11/1979	030079001643	Giáo dục học		Thạc sĩ																							100	1	100
52	Hoàng Thị Thu Hiền	24/01/1985	031185009881	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ			50																				50	2	100
53	Nguyễn Thị Quỳnh	18/07/1986	030186009853	Kế toán		Thạc sĩ																			100					1	100
54	Trần Văn Cường	20/09/1979	038079004537	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ											50					50								2	100
55	Hoàng Anh Thu	12/06/1984	001084077086	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ			100																					1	100
56	Đỗ Thị Thùy	13/06/1985	027185000717	Triết học		Thạc sĩ																	50					50		2	100
57	Nguyễn Ngọc Tú	15/02/1985	038085002888	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Thạc sĩ				30																	30	40		3	100
58	Trần Hải Đăng	12/08/1982	030082001938	Khoa học vật liệu		Tiến sĩ																40		10				50		3	100
59	Phạm Thượng Hàn	06/06/1945	001045004441	Kỹ thuật điện	PGS	Tiến sĩ											50						50							2	100
60	Đinh Thị Kim Thiết	20/12/1980	034180013516	Kế toán		Thạc sĩ																			100					1	100
61	Trần Thị Hiền	31/01/1966	036166000215	Luật		Tiến sĩ					10						50				20		20							4	100
62	Phạm Công Tảo	04/04/1975	030075007048	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ	10	10									80													3	100
63	Mạc Thị Nguyên	02/10/1984	030184003422	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ			50																			50		2	100
64	Lê Văn Sơn	05/07/1986	022086005409	Kỹ thuật điện tử		Thạc sĩ																						100		1	100
65	Trần Hoàng Yến	01/02/1982	030182012548	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ			40						15													45		3	100
66	Nguyễn Đăng Tiến	16/02/1980	030080000438	Địa lý tài nguyên và môi trường		Tiến sĩ				10		10			10												70			4	100
67	Nguyễn Minh Tuấn	25/04/1977	030077001663	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ					10		30		30					10					20					5	100
68	Lưu Quang Hưng	10/02/1987	030087008028	Kỹ thuật tàu thuỷ		Thạc sĩ																						100		1	100
69	Trần Thị Hồng Nhung	21/06/1979	008179000195	Triết học		Thạc sĩ			10																		90			2	100
70	Hoàng Thị Hương	13/10/1978	022178002312	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ											70									30				2	100
71	Hoàng Thị Bích Ngọc	22/12/1982	030182006612	Tài chính - Ngân hàng		Thạc sĩ					10		70							20										3	100
72	Nguyễn Vinh Diện	08/05/1977	040077016541	Luật kinh tế		Tiến sĩ					10	10	10	10			20				10	10			20					8	100
73	Nguyễn Tiến Phúc	04/10/1980	022080001160	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ	10										90													2	100
74	Nguyễn Văn Tiến	04/01/1979	030079003520	Kỹ thuật viễn thông		Thạc sĩ											100													1	100
75	Lê Đức Thắng	28/07/1982	030082013166	Kỹ thuật cơ khí động lực		Thạc sĩ																						100		1	100
76	Hoàng Thị Thu Trang	01/09/1985	030185015737	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ					60			40																2	100
77	Nguyễn Thị Phương	26/09/1980	011180007235	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
78	Phạm Thị Tâm	10/02/1987	030187021896	Khoa học máy tính		Thạc sĩ																							100	1	100
79	Phạm Thị Huyền Trang	13/03/1988	030188011647	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ				40					30												30			3	100
80	Nguyễn Chí Dũng	19/10/1960	001060006586	Luật		Tiến sĩ															10		70					20		3	100
81	Tạ Văn Hiền	06/01/1981	024081000410	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thạc sĩ			80															20						2	100
82	Lương Thị Thanh Xuân	01/12/1980	022180008759	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
83	Nguyễn Thị Sao	26/01/1983	030183009751	Du lịch		Thạc sĩ						10															90			2	100
84	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	13/03/1981	030181013454	Hệ thống thông tin		Thạc sĩ											50												50	2	100
85	Lê Thị Mai	27/02/1979	019179000243	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
86	Nguyễn Trung Thành	09/09/1979	027079013888	Kế toán		Tiến sĩ							20	30						10					30	10				5	100
87	Trương Thị Luyến	10/09/1985	024185000601	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Thạc sĩ																						100		1	100
88	Nguyễn Hữu Chấn	01/01/1981	034081009831	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																100								1	100
89	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/05/1974	026174012081	Khoa học máy tính		Thạc sĩ																50							50	2	100
90	Phạm Thị Hồng Hoa	23/05/1977	038177001190	Kinh tế quốc tế		Tiến sĩ				10				10			20								20	10	20	10		7	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																							Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201		
91	Vũ Văn Đông	18/11/1982	033082002650	Kinh tế học		Tiến sĩ						10				10						20	10	10	10	30			7	100
92	Phạm Văn Tài	02/03/1973	030073016719	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100												1	100
93	Nguyễn Thị Nhàn	08/10/1978	030178010508	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ																55			45				2	100
94	Phùng Thị Lý	08/10/1982	030182001953	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Tiến sĩ		10		10							20					10				50			5	100
95	Nguyễn Thị Ngọc Mai	24/02/1988	030188006300	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ																			100				1	100
96	Vũ Thị Lý	15/10/1985	030185011526	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ				20	30				50														3	100
97	Vũ Mạnh Cường	25/11/1968	036068004866	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					10			30	20		20		10					10					6	100
98	Vũ Trí Võ	15/04/1987	024087000368	Kỹ thuật điện tử		Thạc sĩ											50					50							2	100
99	Trinh Thị Chuyên	05/06/1981	024181012807	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ									50		50												2	100
100	Nguyễn Thị Quyên	09/06/1978	030178002548	Kỹ thuật viễn thông		Thạc sĩ	10										90												2	100
101	Lê Thị Huyền	26/05/1987	030187011520	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ											50									50			2	100
102	Ngô Hữu Mạnh	30/01/1981	027081007553	Kỹ thuật cơ khí	PGS	Tiến sĩ															20						80		2	100
103	Mạc Văn Giang	23/12/1980	030080015601	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ			50												50								2	100
104	Phạm Thị Hường	08/03/1981	034181012929	Hệ thống thông tin		Thạc sĩ											50											50	2	100
105	Nguyễn Minh Loan	06/06/1975	030075010299	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																					100		1	100
106	Vũ Quang Thập	07/05/1960	033060004360	Quản lý giáo dục		Tiến sĩ																10				90			2	100
107	Tạ Hồng Phong	13/08/1977	033077000976	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ			20																		80		2	100
108	Nguyễn Phương Lan	26/04/1962	001162010931	Luật học		Tiến sĩ									30					30						20	20		4	100
109	Nguyễn Thị Hằng	20/06/1982	030182004878	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		Thạc sĩ						80											20						2	100
110	Trần Duy Khánh	29/06/1978	034078011960	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ			50													50							2	100
111	Nguyễn Văn Hinh	24/12/1976	024076017272	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ			30												20						50		3	100
112	Vũ Hoa Kỳ	27/11/1980	033080011073	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ			20												80								2	100
113	Phạm Thị Hoan	26/10/1979	019179000384	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ																100							1	100
114	Nguyễn Danh Đạo	22/09/1980	030080019919	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ															100								1	100
115	Đinh Văn Nhượng	30/10/1963	034063010871	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ			10								90												2	100
116	Vũ Bảo Tạo	17/03/1979	030079002276	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ																						100	1	100
117	Nguyễn Thái Mai	09/09/1968	038168028156	Luật		Tiến sĩ											40				20	20				20			4	100
118	Nguyễn Phương Tỵ	24/11/1977	024077003367	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ		10									70					20							3	100
119	Lê Trí Vĩnh	07/08/1971	034071012076	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ			40													60							2	100
120	Nguyễn Thị Lan	07/08/1980	030180014220	Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ				40																60			2	100
121	Dương Thị Hoa	10/05/1983	030183002390	Sư phạm Kỹ thuật Điện		Thạc sĩ		20														80							2	100
122	Trương Thị Hải Duyên	24/11/2000	030300005033	Đại số và lí thuyết số		Thạc sĩ												50	50										2	100
123	Vũ Thị Hường	21/07/1984	030184009039	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ																			50	50			2	100
124	Nguyễn Ngọc Đàm	20/10/1985	030085012621	Kỹ thuật tàu thuỷ		Thạc sĩ																					100		1	100
125	Đặng Thị Hồng Minh	22/11/1980	030180019817	Lịch sử thế giới		Thạc sĩ					20																80		2	100
126	Hoàng Thị Phượng	25/07/1972	022172000768	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100												1	100
127	Trịnh Văn Cường	20/09/1977	038077011423	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ			50												50								2	100
128	Nguyễn Thị Huế	28/06/1985	030185004061	Quản lý kinh tế		Thạc sĩ								60											40				2	100
129	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/01/1989	030189013708	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ																						100	1	100
130	Nguyễn Thị Thủy	26/11/1986	030186002501	Kinh doanh thương mại		Thạc sĩ					50						50												2	100
131	Phạm Thị Hồng Trang	16/08/1990	015190005580	Ngôn ngữ Trung Quốc		Tiến sĩ				30																70			2	100
132	Phạm Văn Huân	27/10/1968	030068000429	Luật		Thạc sĩ											50										50		3	100
133	Đào Văn Kiên	01/08/1976	034076020422	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ															100								1	100
134	Đặng Huy Long	23/12/1987	030087001172	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ															40	60							2	100
135	Hoàng Thị Ngọc Diệp	18/05/1982	030182013808	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ																						100	1	100
136	Nguyễn Hoàng Lân	26/01/1960	030060000379	Tâm lý học	PGS	Tiến sĩ												30								70			2	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																							Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201		
137	Phạm Văn Trọng	13/10/1988	030088006473	Kỹ thuật cơ khí động lực		Thạc sĩ																					100		1	100
138	Phạm Thị Thu Hà	19/09/1984	037184003906	Ngôn ngữ Anh		Tiến sĩ									40										30			30	3	100
139	Nguyễn Thị Sim	01/01/1982	030182006650	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ																100							1	100
140	Đặng Văn Tuệ	25/08/1977	030077010025	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100												1	100
141	Vũ Thị Thanh Thủy	04/02/1984	030184011807	Kế toán		Thạc sĩ																		100					1	100
142	Nguyễn Thị Thảo	18/11/1984	030184024387	Địa lý học		Thạc sĩ																		30	20	50			3	100
143	Nguyễn Thị Tuyến	14/11/1990	027190011358	Toán học		Tiến sĩ		10		10							40						40						4	100
144	Nguyễn Thanh Vân	03/05/1988	030188022546	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ											30			10					60				3	100
145	Đặng Thị Thanh	25/06/1979	030179017761	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ																					100		1	100
146	Nguyễn Thị Hường	09/06/1981	030181020024	Du lịch		Thạc sĩ						10														90			2	100
147	Phạm Văn Dự	21/07/1984	037084004420	Triết học		Tiến sĩ											25									50		25	3	100
148	Vũ Quang Ngọc	11/03/1989	030089001702	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100												1	100
149	Ngô Thị Mỹ Bình	08/08/1984	030184007626	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ									10		60						30						3	100
150	Vũ Bá Thế	12/02/1957	030057004053	Tài chính - Ngân hàng	PGS	Tiến sĩ					10		40							50									3	100
151	Nguyễn Thị Thu	09/07/1989	033189006359	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ							20				30								50				3	100
152	Nguyễn Thế Long	13/03/1988	019088007625	Kỹ thuật phần mềm		Tiến sĩ									20				20									20	40	4	100
153	Ngô Đại Phúc	13/07/1983	030083005192	Quản lý công nghệ thông tin		Thạc sĩ													65										35	2	100
154	Nguyễn Thanh Đạt	29/06/1994	044094012380	Kỹ thuật điện tử		Tiến sĩ											30						30					40		3	100
155	Nguyễn Văn Toản	06/02/1984	030084024697	Toán học		Thạc sĩ												20										80		2	100
156	Mạc Thị Lê	12/12/1984	030184013878	Vật lý chất rắn		Thạc sĩ											50										20		30	3	100
157	Nguyễn Văn Anh	27/08/1987	008087007987	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ																						100		1	100
158	Nguyễn Hải Nam	07/10/1990	027090009197	Quản lý giáo dục		Thạc sĩ												60								40				2	100
159	Trần Thị Mai Hương	04/02/1985	022185002624	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ				20																80				2	100
160	Hoàng Thị Ngát	13/06/1985	030185010323	Khoa học máy tính		Thạc sĩ																							100	1	100
161	Vũ Tiến Hiếu	19/11/1986	030086002232	Giáo dục học		Thạc sĩ																						100		1	100
162	Nguyễn Quang Việt	30/06/1983	030083005928	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ															100									1	100
163	Phạm Thị Điệp	14/11/1980	030180014311	Hoá lí thuyết và hoá lí		Tiến sĩ		10					10										30	10	10	10		20		7	100
164	Phan Thành Long	19/02/1979	031079009673	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ															100									1	100
165	Lê Ngọc Hòa	18/10/1980	022080010259	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Tiến sĩ		20									40						40							3	100
166	Nguyễn Văn Đức	20/02/1987	030087007305	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ											50												50	2	100
167	Nguyễn Thị Hồi	17/03/1982	034182010355	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thạc sĩ									50									50						2	100
168	Phạm Thị Kim Phúc	08/09/1980	027180005908	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thạc sĩ											80							20						2	100
169	Nguyễn Ngọc Chính	26/11/1946	001046000670	Công nghệ dệt, may		Tiến sĩ			10															10				80		3	100
170	Hà Đình Soát	17/05/1981	034081003889	Giáo dục học		Thạc sĩ																				30	70			2	100
171	Nguyễn Thanh Hương	19/06/1987	022187004344	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ																	100							1	100
172	Đinh Đức Quang	15/11/1980	030080018144	Kỹ thuật xây dựng		Tiến sĩ												10	30				60							3	100
173	Phùng Đức Hải Anh	09/07/1983	030083016624	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																						100		1	100
174	Phạm Đức Khẩn	30/10/1969	030069016253	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
175	Phạm Thị Mai	20/02/1982	034182025661	Luật hiến pháp và luật hành chính		Thạc sĩ											40				20						40			3	100
176	Hoàng Thị An	19/09/1987	030187005556	Khoa học máy tính		Thạc sĩ																							100	1	100
177	Nguyễn Xuân Giang	04/08/1984	015084009943	Ngôn ngữ Trung Quốc		Tiến sĩ				10					10												80			3	100
178	Vũ Hoàng Phương	04/10/1983	030183019659	Hoá lí thuyết và hoá lí		Thạc sĩ										10	40						50							3	100
179	Vũ Hồng Sơn	20/09/1977	034077008616	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																						100		1	100
180	Cao Văn Biên	10/03/1972	030072000443	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																						100		1	100
181	Phạm Thị Thảo	15/06/1980	022180002414	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ																	100							1	100
182	Phan Thị Hương	28/01/1985	040185010103	Luật		Thạc sĩ											50											50		3	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																								Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201				
183	Đoàn Thị Thu Hằng	06/10/1986	030186013556	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ												30							20				50	3	100
184	Nguyễn Thị Phương Oanh	02/03/1980	022180006301	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ																	100							1	100
185	Phạm Anh Dũng	04/06/1981	033081004401	Giáo dục học		Thạc sĩ																	50					50		2	100
186	Nguyễn Thị Tuyết	28/10/1990	031190003200	Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ																					100			1	100
187	Hoàng Thị Hòa	02/07/1982	030182009723	Hoá hữu cơ		Tiến sĩ										10							80	10						3	100
188	Tăng Thị Hồng Minh	15/10/1985	031185009958	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ									30												70			2	100
189	Nguyễn Thị Liễu	29/11/1984	030184011687	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ															100									1	100
190	Nguyễn Trọng Các	11/12/1979	027079011150	Kỹ thuật điện tử		Tiến sĩ	10																90							2	100
191	Lương Thị Hoa	28/04/1989	030189002914	Tài chính - Ngân hàng		Thạc sĩ					30									50						20				3	100
192	Đỗ Thị Lan	20/09/1980	030180008243	Công nghệ vật liệu dệt, may		Thạc sĩ																	80	20						2	100
193	Nguyễn Lương Căn	24/03/1983	030083003856	Kỹ thuật cơ khí động lực		Thạc sĩ																						100		1	100
194	Nguyễn Thị Thu	22/12/1983	030183024370	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ																						30	70	2	100
195	Nguyễn Trương Huy	19/09/1973	030073008944	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
196	Đặng Thị Hồng Yến	23/06/1972	030172007091	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ			30			10								60										3	100
197	Vũ Thị Ánh Tuyết	05/08/1991	030191009226	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ							50	50																2	100
198	Nguyễn Thị Huệ	27/02/1985	038185021087	Toán học		Thạc sĩ																	40					60		2	100
199	Vũ Thành Trung	18/05/1983	024083002380	Kỹ thuật cơ khí		Thạc sĩ																						100		1	100
200	Nguyễn Trọng Quỳnh	10/11/1981	040081037338	Kỹ thuật điện tử		Thạc sĩ											100													1	100
201	Vũ Thị Lương	02/01/1978	030178010123	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ									50												30		20	3	100
202	Phạm Văn Tuấn	11/11/1969	030069001247	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
203	Nguyễn Quang Thoại	14/03/1983	036083025854	Công nghệ dệt, may		Thạc sĩ																		100						1	100
204	Phạm Xuân Đức	10/02/1980	030080006874	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử		Tiến sĩ			20	10					10		30										30			5	100
205	Nguyễn Thị Việt Hương	31/10/1986	030186010073	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ											100													1	100
206	Nguyễn Văn Tuyên	13/03/1979	030079004973	Vật lý chất rắn		Thạc sĩ																	50					50		2	100
207	Đỗ Huy Tùng	10/09/1982	030082013173	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ																	100							1	100
208	Nguyễn Thị Hồng	17/10/1986	038186046561	Toán học		Thạc sĩ																						60	40	2	100
209	Hà Minh Tuân	12/10/1982	030082023435	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ	10										50						40							3	100

2.1.2 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia Kỹ thuật cơ khí *8520103*	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
1	Đỗ Văn Đinh	25/12/1975	030075013984	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
2	Vũ Văn Tản	04/09/1980	030080005204	Kỹ thuật tàu thuỷ		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
3	Trần Văn Cường	20/09/1979	038079004537	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
4	Trần Hải Đăng	12/08/1982	030082001938	Khoa học vật liệu		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
5	Vũ Văn Đông	18/11/1982	033082002650	Kinh tế học		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
6	Ngô Hữu Mạnh	30/01/1981	027081007553	Kỹ thuật cơ khí	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100	**1**	**100**
7	Nguyễn Văn Hinh	24/12/1976	024076017272	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
8	Vũ Hoa Kỳ	27/11/1980	033080011073	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
9	Đinh Văn Nhượng	30/10/1963	034063010871	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
10	Nguyễn Văn Anh	27/08/1987	008087007987	Kỹ thuật cơ khí		Tiến sĩ	100	**1**	**100**
11	Lê Ngọc Hòa	18/10/1980	022080010259	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Tiến sĩ	100	**1**	**100**

2.2.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																								Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201			
1	Phan Thị Thu Lê	11/11/1981	03318100220	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Tiến sĩ															100									**1**	**100**
2	Đức Thị Hòa	27/07/1973	001173045894	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Tiến sĩ															100									1	**100**
3	Phạm Văn Huân	27/10/1968	030068000429	Luật học		Thạc sĩ															100									1	**100**
4	Chu Hải Đăng	20/10/1979	030079000103	Luật học		Thạc sĩ															100									1	**100**

2.2.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																								Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	Sư phạm công nghệ	Kỹ thuật cơ điện tử	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Thương mại điện tử	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế số	Ngôn ngữ Anh	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Toán ứng dụng	Trí tuệ nhân tạo	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Luật	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ dệt, may	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Công nghệ thông tin		
							7510302	7140246	7520114	7140234	7340122	7810103	7340201	7310109	7220201	7540101	7520216	7460112	7480107	7510605	7380101	7510201	7510301	7540204	7340301	7340101	7220204	7510205	7480201			
1	Phan Thị Thu Lê	11/11/1981	03318100220	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Tiến sĩ															100									**1**	**100**
2	Đức Thị Hòa	27/07/1973	001173045894	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Tiến sĩ															100									1	**100**
3	Phạm Văn Huân	27/10/1968	030068000429	Luật học		Thạc sĩ															100									1	**100**
4	Chu Hải Đăng	20/10/1979	030079000103	Luật học		Thạc sĩ															100									1	**100**

3. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành đại học	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX	Địa chỉ quản lý, hỗ trợ ĐTTX tại cơ sở đào tạo/ các trạm ĐTTX
1	Đào Thị Hường	29/11/1986	030186014067		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Kế toán	7340301	20	Hà Nội
2	Đặng Thị Thu Hiền	20/05/1993	033193001511		Nữ	10/11/2024	HĐLĐ xác định thời hạn		Đại học		7340101	20	Bắc Ninh
3	Trần Thị Huyền Trang	10/03/1988	030188013334		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	7220201	20	TP. HCM
4	Nguyễn Thị Hồng	09/08/1987	030187009041		Nữ	01/04/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Quản trị văn phòng	7480201	20	Quảng Ninh

5.Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

5.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
15/QĐ-KĐCLGD	27/01/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
112/QĐ-KĐCLGD	27/11/2017	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam

5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	163/QĐ-KĐCKGD	10/05/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
2	Công nghệ thông tin	7480201	162/QĐ-KĐCLGD	10/05/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
3	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	124/QĐ-KĐCLGD	20/11/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
4	Quản trị kinh doanh	7340101	164/QĐ-KĐCLGD	10/05/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
5	Công nghệ dệt, may	7540204	122/QĐ-KĐCLGD	20/11/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	05/QĐ-KĐCLGD	10/01/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
7	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	04/QĐ-KĐCLGD	10/01/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
8	Kế toán	7340301	123/QĐ-KĐCLGD	20/11/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	06/QĐ-KĐCLGD	10/01/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	**Nhân văn**	**722**	**150**	**143**	**104**	**0**
1.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**150**	**143**	**104**	**0**
1.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	20	17	6	100
1.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	130	126	98	88,8
2	**Kinh doanh và quản lý**	**734**	**100**	**88**	**54**	**0**
2.1	**Kinh doanh**	**73401**	**50**	**41**	**20**	**0**
2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	50	41	20	100
2.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**50**	**47**	**34**	**0**
2.2.1	Kế toán	7340301	50	47	34	91,2
3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**	**90**	**89**	**107**	**0**
3.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**90**	**89**	**107**	**0**
3.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	90	89	107	92,5
4	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**	**440**	**434**	**667**	**0**
4.1	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	**75102**	**300**	**295**	**428**	**0**
4.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	80	79	116	100
4.1.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	220	216	312	93,3
4.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**140**	**139**	**239**	**0**
4.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	120	120	213	96,7
4.2.2	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	7510302	20	19	26	88,5
5	**Kỹ thuật**	**752**	**250**	**198**	**256**	**0**
5.1	**Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**	**75201**	**80**	**31**	**21**	**0**
5.1.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	80	31	21	100
5.2	**Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75202**	**170**	**167**	**235**	**0**
5.2.2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	170	167	235	94
6	**Sản xuất và chế biến**	**754**	**130**	**38**	**29**	**0**
6.1	**Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống**	**75401**	**100**	**15**	**9**	**0**
6.1.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	20	10	9	100
6.2	**Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da**	**75402**	**30**	**23**	**20**	**0**
6.2.1	Công nghệ dệt, may	7540204	30	23	20	95
7	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**781**	**90**	**9**	**0**	**0**
7.1	**Du lịch**	**78101**	**90**	**9**	**0**	**0**
7.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	90	9	0	0
	Tổng		**1250**	**999**	**1217**	**0**

NGƯỜI LẬP	PTP. ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH	HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Bích Ngọc	Phan Hoàng Đức	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2026

1.Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2025 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**0**
1	**Tiến sĩ**			**0**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			
2	**Thạc sĩ**			**0**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**0**
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			
B	**ĐẠI HỌC**			**4348**
3	**Đại học chính quy**			**4172**
3.1	**Chính quy**			**3995**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**3995**
3.1.2.1	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**714**		**93**
3.1.2.1.1	**Đào tạo giáo viên**	**71402**	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**93**
3.1.2.1.1.1	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Đào tạo giáo viên	60
3.1.2.1.1.2	Sư phạm công nghệ	7140246	Đào tạo giáo viên	33
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**668**
3.1.2.2.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**668**
3.1.2.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	26
3.1.2.2.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	642
3.1.2.3	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**230**
3.1.2.3.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**108**
3.1.2.3.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	108
3.1.2.3.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**122**
3.1.2.3.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	122
3.1.2.4	**Pháp luật**	**738**		**30**
3.1.2.4.1	**Luật**	**73801**	**Pháp luật**	**30**
3.1.2.4.1.1	Luật	7380101	Luật	30
3.1.2.5	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**256**
3.1.2.5.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**256**
3.1.2.5.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	256
3.1.2.6	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**1622**
3.1.2.6.1	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	**75102**	**Công nghệ kỹ thuật**	**1100**
3.1.2.6.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	252
3.1.2.6.1.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	848
3.1.2.6.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**522**
3.1.2.6.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	518
3.1.2.6.2.2	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	4
3.1.2.7	**Kỹ thuật**	**752**		**995**
3.1.2.7.1	**Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**	**75201**	**Kỹ thuật**	**140**
3.1.2.7.1.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	140
3.1.2.7.2	**Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75202**	**Kỹ thuật**	**855**
3.1.2.7.2.1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	855

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.1.2.8	**Sản xuất và chế biến**	**754**		**62**
3.1.2.8.1	**Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống**	**75401**	**Sản xuất và chế biến**	**5**
3.1.2.8.1.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống	5
3.1.2.8.2	**Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da**	**75402**	**Sản xuất và chế biến**	**57**
3.1.2.8.2.1	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	57
3.1.2.9	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**781**		**39**
3.1.2.9.1	**Du lịch**	**78101**	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**39**
3.1.2.9.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	39
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**21**
3.3.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**21**
3.3.1.1	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	**75102**	**Công nghệ kỹ thuật**	**2**
3.3.1.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2
3.3.1.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**19**
3.3.1.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	19
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**156**
3.4.1	**Nhân văn**	**722**		**156**
3.4.1.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**156**
3.4.1.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	156
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**161**
4.1	**Vừa làm vừa học**			
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**11**
4.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**11**
4.2.1.1	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**11**
4.2.1.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	11
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**150**
4.3.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**150**
4.3.1.1	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**150**
4.3.1.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	150
5	**Từ xa**			**15**
5.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**15**
5.1.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**7**
5.1.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	7
5.1.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**8**
5.1.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	8

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2026 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**0**	**0**
1	**Tiến sĩ**			**0**	**0**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**0**	
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	
2	**Thạc sĩ**			**0**	**0**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**0**	**0**
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	
B	**ĐẠI HỌC**			**0**	**1054**
3	**Đại học chính quy**			**0**	**998**
3.1	**Chính quy**			**0**	**913**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**0**	
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**0**	**913**
3.1.2.1	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**714**		**0**	**23**
3.1.2.1.1	**Đào tạo giáo viên**	**71402**	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**0**	**23**
3.1.2.1.1.1	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Đào tạo giáo viên	4	15
3.1.2.1.1.2	Sư phạm công nghệ	7140246	Đào tạo giáo viên	4	8
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**0**	**166**
3.1.2.2.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**0**	**166**
3.1.2.2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	4	6
3.1.2.2.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	4	160
3.1.2.3	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**0**	**57**
3.1.2.3.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**0**	**27**
3.1.2.3.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	4	27
3.1.2.3.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**0**	**30**
3.1.2.3.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	4	30
3.1.2.4	**Pháp luật**	**738**		**0**	**7**
3.1.2.4.1	**Luật**	**73801**	**Pháp luật**	**0**	**7**
3.1.2.4.1.1	Luật	7380101	Luật	4	7
3.1.2.5	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**0**	**56**
3.1.2.5.1	**Công nghệ thông tin**	**74802**	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**0**	**56**
3.1.2.5.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	4,5	56
3.1.2.6	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**0**	**359**
3.1.2.6.1	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	**75102**	**Công nghệ kỹ thuật**	**0**	**244**
3.1.2.6.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	4,5	56
3.1.2.6.1.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	4,5	188
3.1.2.6.2	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**0**	**115**
3.1.2.6.2.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	4,5	115
3.1.2.7	**Kỹ thuật**	**752**		**0**	**221**
3.1.2.7.1	**Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**	**75201**	**Kỹ thuật**	**0**	**31**
3.1.2.7.1.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	4,5	31
3.1.2.7.2	**Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75202**	**Kỹ thuật**	**0**	**190**
3.1.2.7.2.1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	4,5	190
3.1.2.8	**Sản xuất và chế biến**	**754**		**0**	**15**
3.1.2.8.1	**Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống**	**75401**	**Sản xuất và chế biến**	**0**	**1**
3.1.2.8.1.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống	4,5	1
3.1.2.8.2	**Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da**	**75402**	**Sản xuất và chế biến**	**0**	**14**
3.1.2.8.2.1	Công nghệ dệt, may	7540204	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	4	14
3.1.2.9	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**781**		**0**	**9**
3.1.2.9.1	**Du lịch**	**78101**	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**0**	**9**
3.1.2.9.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	4	9
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**0**	**0**
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**0**	7
3.3.1	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	75103	Công nghệ kỹ thuật	**0**	7

3.3.1.2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	2,5	7
3.3.1.2.1	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			**0**	**78**
3.4	**Nhân văn**	**722**		**0**	**78**
3.4.1	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**	**72202**	**Nhân văn**	**0**	**78**
3.4.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	2	78
3.4.1.1.1	**Liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**0**	**53**
4.1	**Vừa làm vừa học**			**0**	**0**
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			**0**	**3**
4.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**0**	**3**
4.2.1.1	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**0**	**3**
4.2.1.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	3,5	3
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			**0**	**50**
4.3.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**0**	**50**
4.3.1.1	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	**75103**	**Công nghệ kỹ thuật**	**0**	**50**
4.3.1.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	3	50
5	**Từ xa**			**0**	**3**
5.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**0**	**3**
5.1.1	**Kinh doanh**	**73401**	**Kinh doanh và quản lý**	**0**	**1**
5.1.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	4	1
5.1.2	**Kế toán - Kiểm toán**	**73403**	**Kinh doanh và quản lý**	**0**	**2**
5.1.2.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	4	2

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	**Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ**								
II	**Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ**								
1	**Kỹ thuật**	**852**	**0**	**1**	**10**			**11**	**55**
1.1	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	85201	0	1	10			11	55
1.1.1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	0	1	10			11	55
	Tổng cộng giảng dạy thạc sĩ		**0**	**2**	**16**			**18**	**90**
III	**Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP**								
1	**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**	**714**	**0**	**0**	**13**	**15**	**0**	**28**	**6,9**
1.1	Đào tạo giáo viên	71402	0	0	13	15	0	28	6,9
1.1.1	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	0	0	7	10	0	17	4,5
1.2.1	Sư phạm công nghệ	7140246	0	0	6	5	0	11	2,4
2	**Nhân văn**	**722**	**0**	**1**	**23**	**36**	**0**	**60**	**38,15**
2.1	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	72202	0	1	23	36	0	60	38,15
2.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	0	0	10	10	0	20	7,05
2.2.1	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	0	1	13	26	0	40	31,1
3	**Khoa học xã hội và hành vi**	**731**	**0**	**0**	**5**	**5**	**0**	**10**	**4**
3.1	Kinh tế học	73101	0	0	5	5	0	10	4
3.1.1	Kinh tế số	7310109	0	0	5	5	0	10	4
4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**	**0**	**2**	**25**	**27**	**0**	**54**	**22,45**
4.1	Kinh doanh	73401	0	1	11	18	0	30	11,15
4.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0	0	7	9	0	16	7,05
4.2.1	Thương mại điện tử	7340122	0	1	4	9	0	14	4,1
4.4	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	0	1	4	3	0	8	4
4.4.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	1	4	3	0	8	4
4.6	Kế toán - Kiểm toán	73403	0	0	10	6	0	16	7,3
4.6.1	Kế toán	7340301	0	0	10	6	0	16	7,3
5	**Pháp luật**	**738**	**0**	**0**	**6**	**3**	**0**	**9**	**2,2**
5.1	Luật	73801	0	0	6	3	0	9	2,2
5.1.1	Luật	7380101	0	0	6	3	0	9	2,2
6	**Toán và thống kê**	**746**	**0**	**1**	**4**	**5**	**0**	**10**	**5**
6.1	Toán học	74601	0	1	4	5	0	10	5
6.1.1	Toán ứng dụng	7460112	0	1	4	5	0	10	5
7	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**	**0**	**0**	**13**	**22**	**0**	**35**	**21,5**
7.1	Máy tính	74801	0	0	6	3	0	9	5,05
7.1.1	Trí tuệ nhân tạo	7480107	0	0	6	3	0	9	5,05
7.3	Công nghệ thông tin	74802	0	0	7	19	0	26	16,45
7.3.1	Công nghệ thông tin	7480201	0	0	7	19	0	26	16,45
8	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**	**0**	**4**	**54**	**77**	**0**	**135**	**102,5**
8.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	75102	0	2	24	49	0	75	62,95
8.1.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	0	1	8	14	0	23	16,4
8.2.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	0	1	16	35	0	52	46,55
8.4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	75103	0	1	26	23	0	50	34,35
8.4.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	0	1	22	21	0	44	33,35
8.5.1	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	7510302	0	0	4	2	0	6	1
8.7	Quản lý công nghiệp	75106	0	1	4	5	0	10	5,2
8.7.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	1	4	5	0	10	5,2
9	**Kỹ thuật**	**752**	**0**	**1**	**32**	**56**	**0**	**89**	**62,5**
9.1	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	75201	0	0	7	13	0	20	9,2
9.1.1	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	0	0	7	13	0	20	9,2
9.3	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	75202	0	1	25	43	0	69	53,3
9.3.1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	0	1	25	43	0	69	53,3
10	**Sản xuất và chế biến**	**754**	**0**	**0**	**8**	**9**	**0**	**17**	**4,4**
10.1	Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống	75401	0	0	3	1	0	4	0,7
10.1.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	0	0	3	1	0	4	0,7
10.3	Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da	75402	0	0	5	8	0	13	3,7
10.3.1	Công nghệ dệt, may	7540204	0	0	5	8	0	13	3,7

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
11	**Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**781**	**0**	**0**	**6**	**5**	**0**	**11**	**2,4**
11.1	Du lịch	78101	0	0	6	5	0	11	2,4
11.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	0	6	5	0	11	2,4
	Tổng số giảng viên giảng dạy ĐH, CĐSP		**0**	**9**	**189**	**260**	**0**	**458**	**272**
IV	**Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ ĐH**								
1	**Nhân văn**	**722**	**0**	**1**	**10**	**7**	**0**	**18**	**30**
1.1	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	72202	0	1	10	7	0	18	30
1.1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	0	0	5	4	0	9	14
1.1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	0	1	5	3	0	9	16
2	**Kinh doanh và quản lý**	**734**	**0**	**0**	**10**	**17**	**0**	**27**	**35**
2.1	Kinh doanh	73401	0	0	5	9	0	14	18
2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0	0	5	9	0	14	18
2.2	Kế toán - Kiểm toán	73403	0	0	5	8	0	13	17
2.2.1	Kế toán	7340301	0	0	5	8	0	13	17
3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**	**0**	**0**	**5**	**8**	**0**	**13**	**18**
3.1	Công nghệ thông tin	74802	0	0	5	8	0	13	18
3.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	0	0	5	8	0	13	18
	Tổng số giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy ĐTTX trình độ ĐH		**0**	**1**	**25**	**32**	**0**	**58**	**83**

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	**Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ**								
II	**Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ**								
III	**Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ ĐH,CĐSP**								
1	**Pháp luật**	**738**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**2**	**0,8**
1.1	Luật	73801	0	0	2	0	0	2	0,8
1.1.1	Luật	7380101	0	0	2	0	0	2	0,8
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP		**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**2**	**0,8**

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ (theo tháng)	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi
0	0	0	0	4	4	80	1,08

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2025

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	168	11760,19
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	2122
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	1	300
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	62	4714
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	39	1972
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	117
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	62	2535,19
1.7	Công trình huấn luyện, giảng dạy thể thao	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	988
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	53	20591
	TỔNG	**222**	**33339,19**

NGƯỜI LẬP	PTP. ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH	HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Bích Ngọc	Phan Hoàng Đức	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ